



TRIỂN VỌNG KINH TẾ VĨ MÔ

TỔNG QUAN

CTS DỰ BÁO NĂM 2024	ĐƠN VỊ	TÍCH CỰC	TIÊU CỰC
Chỉ số giá tiêu dùng - CPI	% yoy	3,5%	> 3,5%
Tỷ giá USD/VND	VNĐ	24.300 – 24.800	> 24.800
Tăng trưởng tín dụng	% yoy	≥ 15%	< 15%
Tăng trưởng vốn FDI đăng ký mới	% ytd	15%	< 15%
Giải ngân đầu tư công	% ytd	85 – 95%	< 85%
Tăng trưởng GDP	% yoy	6,0%	< 6,0%

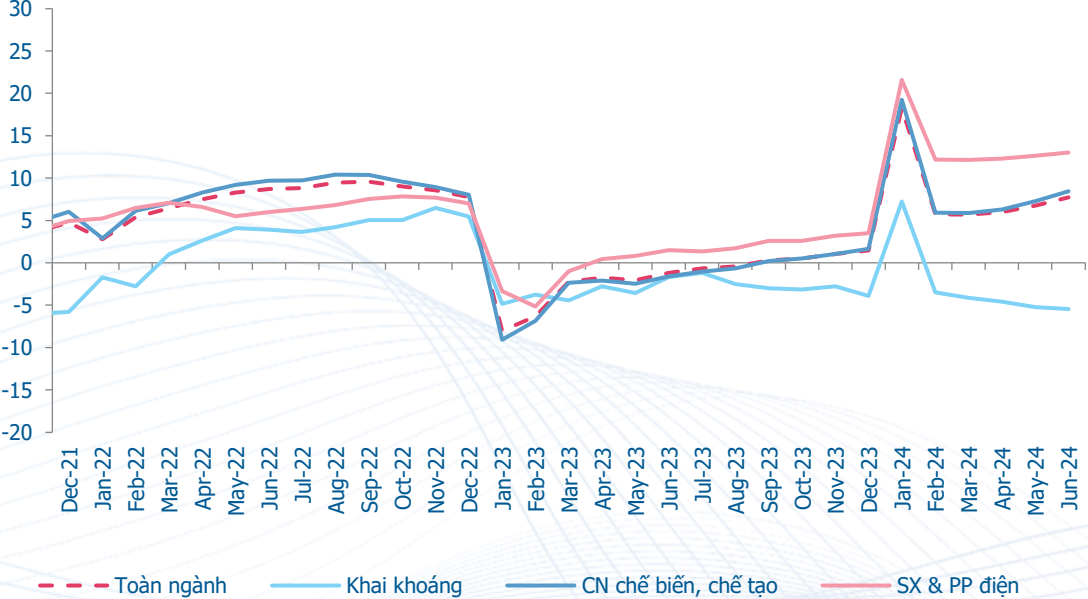
Chú thích: CTS dự báo khả năng có thể xảy ra

ĐIỂM NHẤN VĨ MÔ VIỆT NAM 6T/2024

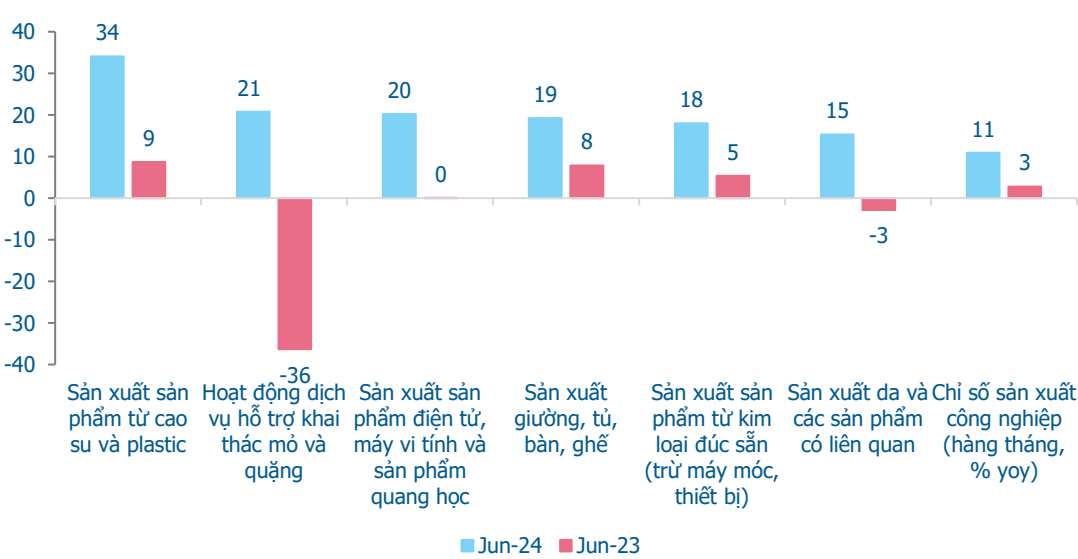
SẢN XUẤT KINH DOANH VỚI NHỮNG TÍN HIỆU TRÁI CHIỀU

- Trong 6 tháng đầu năm 2024, **Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)** ước tính tăng 14.5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 15,8%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 15,2% và ngành khai khoáng tăng 8,4%.
- Chỉ số PMI ngành sản xuất Việt Nam tháng 06/2024 đạt 46,2 điểm**, tăng so với mức 45,3 điểm của tháng 5 nhưng vẫn nằm dưới ngưỡng 50 điểm tháng thứ tư liên tiếp. Điều này cho thấy sức khỏe ngành sản xuất Việt Nam tiếp tục suy giảm.

Biểu đồ 1: Chỉ số sản xuất công nghiệp IIP (ytd, %yoy)



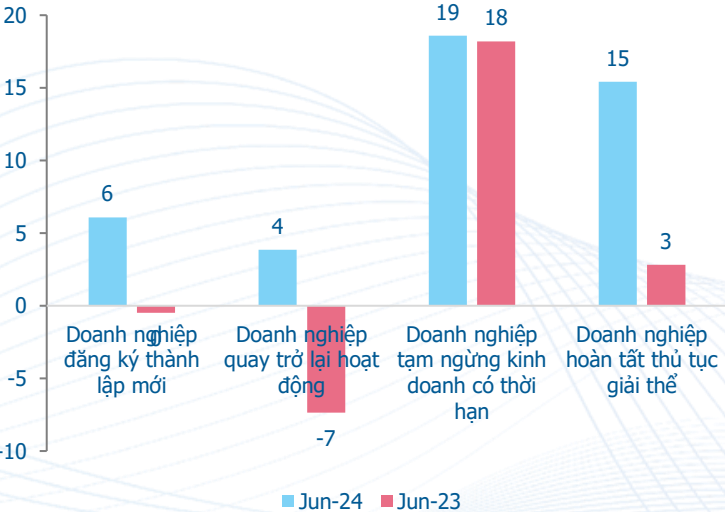
Biểu đồ 2: Chỉ số sản xuất công nghiệp IIP, phân loại theo các ngành công nghiệp



DOANH NGHIỆP ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI TĂNG

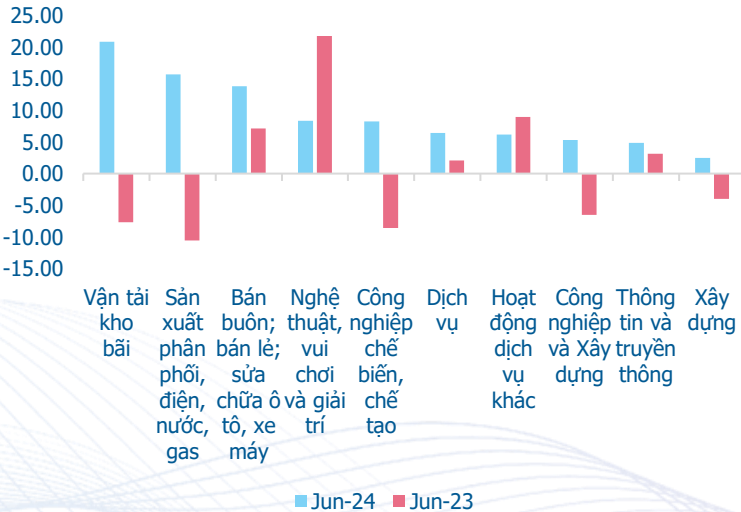
- Tính đến tháng 6 năm 2024, cả nước có khoảng 80,5 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, tăng 6,1% so với cùng kỳ năm 2023. Tổng vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế đạt 1,5 triệu tỷ đồng, giảm 7,7% so với cùng kỳ, trong đó, số vốn đăng ký của doanh nghiệp thành lập mới là 744 nghìn tỷ đồng (tăng 5,2% so với cùng kỳ năm 2023).
- Các doanh nghiệp thành lập mới đa phần có quy mô nhỏ (từ 0-10 tỷ đồng) với 74,3 nghìn doanh nghiệp, chủ yếu thuộc nhóm ngành dịch vụ (60,7 nghìn doanh nghiệp), công nghiệp và xây dựng (19,0 nghìn doanh nghiệp). Khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ghi nhận số doanh nghiệp ít nhất với 781 doanh nghiệp thành lập mới, chiếm 1% số doanh nghiệp thành lập mới. Bán buôn; bán lẻ; sửa chữa ô tô, xe máy là lĩnh vực có số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động có mức tăng cao nhất (21,3%, 16.364 doanh nghiệp), theo sau đó là kinh doanh bất động sản (với 1.577 doanh nghiệp, tăng 11,4%).

Biểu đồ 3: Doanh nghiệp đăng ký thành lập mới (đơn vị: %)



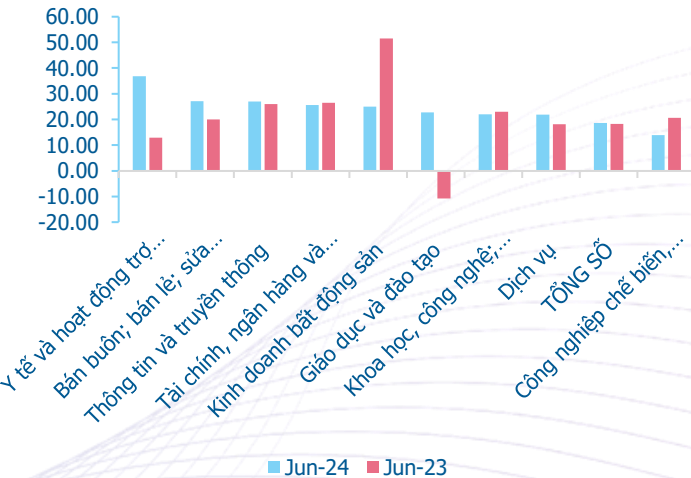
Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

Biểu đồ 4: Tăng trưởng doanh nghiệp đăng ký mới tăng nhiều nhất (đơn vị: %)



Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

Biểu đồ 5: Tăng trưởng doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn tăng nhiều nhất (đơn vị: %)

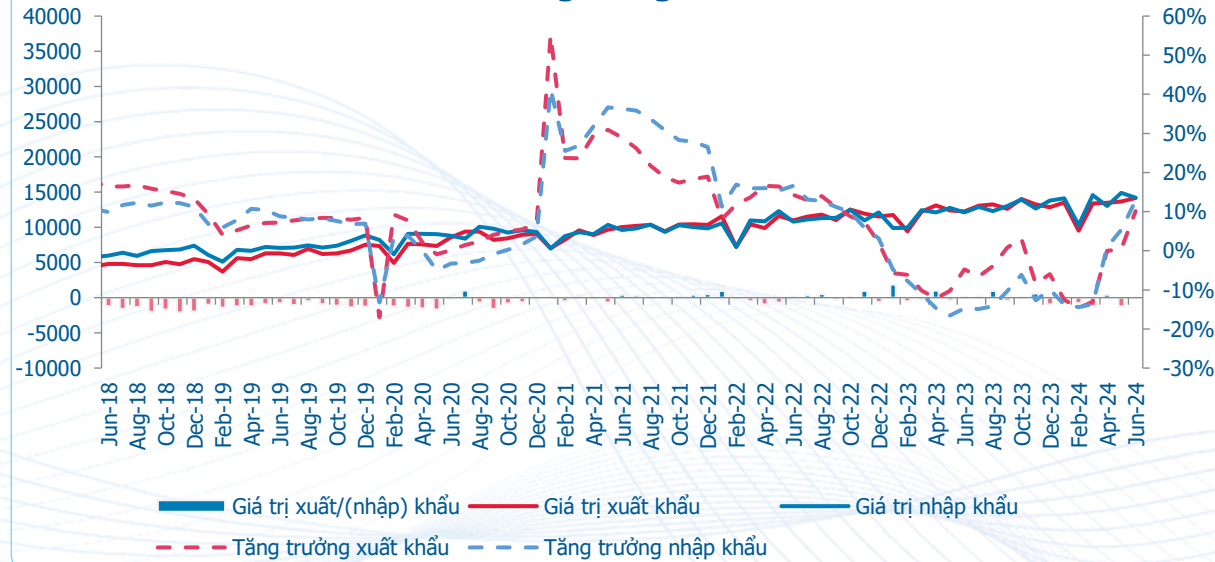


Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

XUẤT NHẬP KHẨU TRỞ LẠI ẦN TƯỢNG

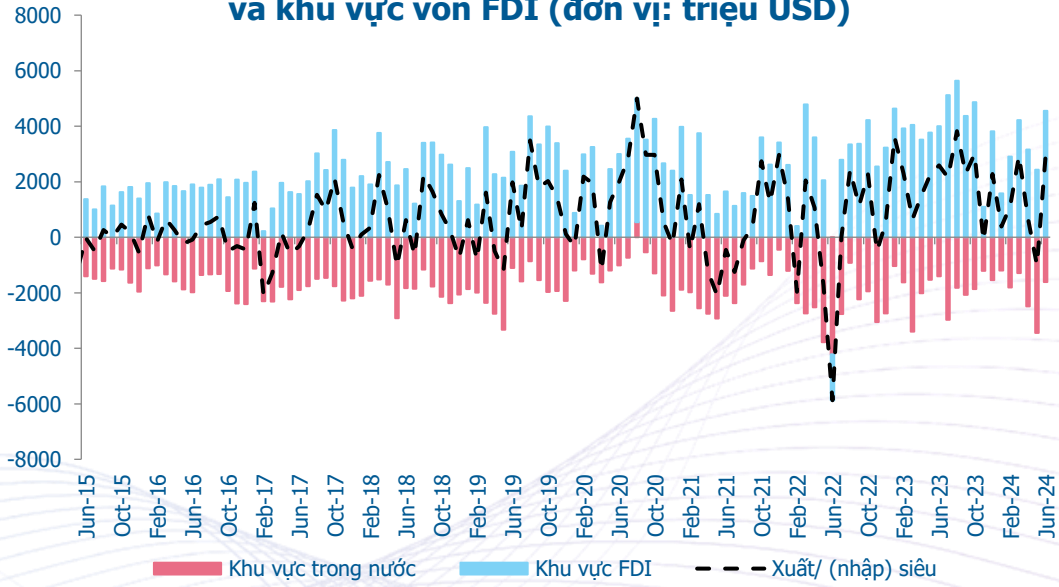
- Tính chung 6 tháng đầu năm 2024, **tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 369,9 tỷ USD**, tăng 16% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 14,9%; nhập khẩu tăng 17,3%. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 11,9 tỷ USD, giảm 1,6 tỷ USD so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 11,7 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 23,5 tỷ USD.
- Về thị trường xuất, nhập khẩu hàng hóa năm tháng đầu năm 2024, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 55,1 tỷ USD. Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 66,7 tỷ USD.

BIỂU ĐỒ 6: Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu và tốc độ tăng trưởng trong nước



Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

BIỂU ĐỒ 7: Giá trị xuất nhập khẩu khu vực trong nước và khu vực vốn FDI (đơn vị: triệu USD)

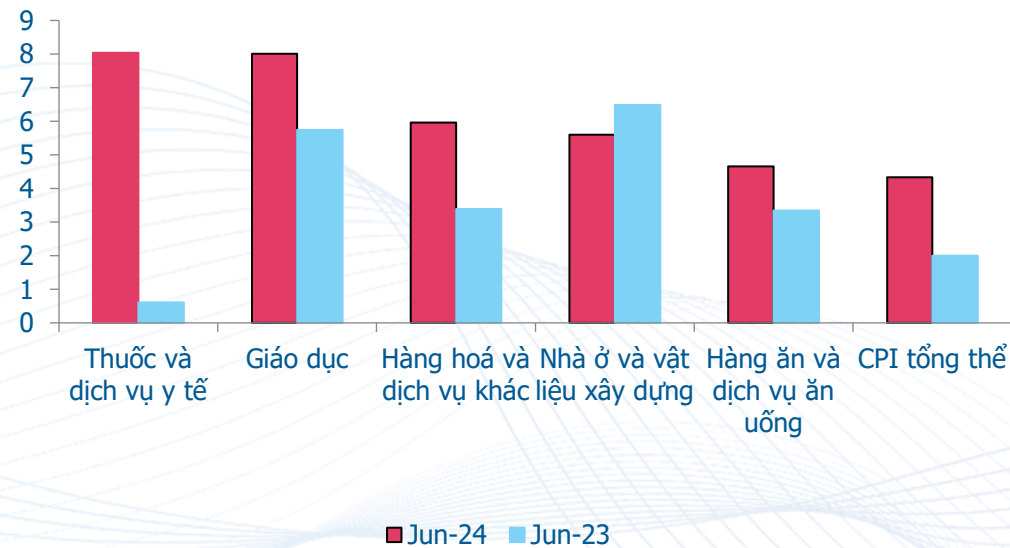


Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

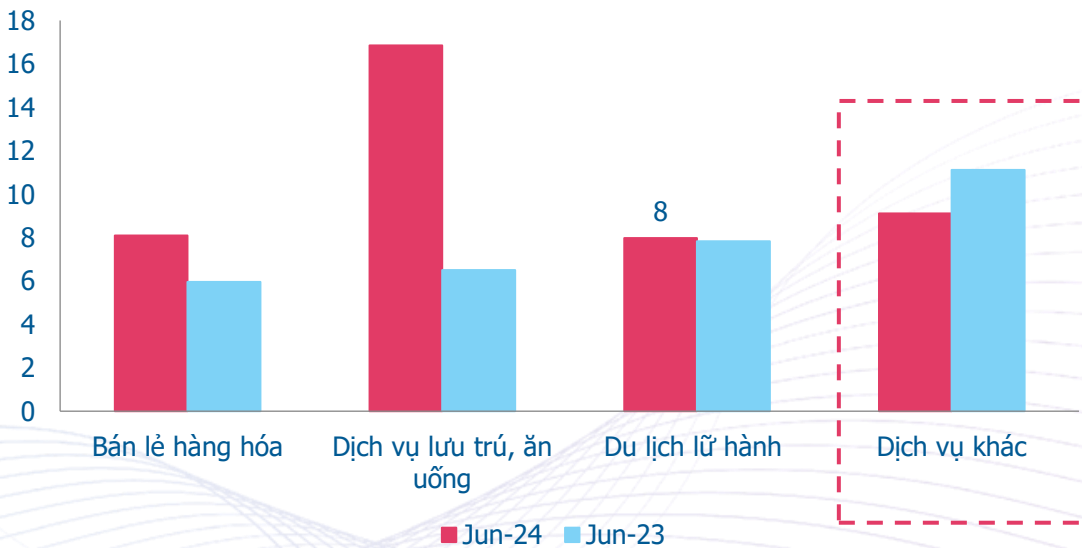
LẠM PHÁT VẪN ĐANG TRONG TẦM KIỂM SOÁT ỔN ĐỊNH

- Trong tháng 6, chỉ số CPI vẫn tăng 0,17% so với tháng trước. Bình quân 6 tháng đầu năm 2024, **chỉ số CPI tăng 4,08%, lạm phát cơ bản tăng 2,75% so với cùng kỳ năm trước**. Lạm phát cơ bản tăng 2,75%, thấp hơn mức CPI bình quân chung (tăng 4,08%), chủ yếu do giá lương thực, điện, dịch vụ giáo dục và dịch vụ y tế là yếu tố tác động làm tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.
- Tính chung 6 tháng đầu năm 2024, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành ước đạt **3.098,7 nghìn tỷ đồng, tăng 8,6% so với cùng kỳ năm trước** (cùng kỳ năm 2023 tăng 11,3%), nếu loại trừ yếu tố giá tăng 5,7% (cùng kỳ năm 2023 tăng 8,8%). Doanh thu bán lẻ hàng hóa 6 tháng đầu năm 2024 ước đạt 2.398,3 nghìn tỷ đồng, tăng 7,4% so với cùng kỳ năm trước (loại trừ yếu tố giá tăng 4,9%).

Biểu đồ 8: Chỉ số giá tiêu dùng CPI, so với cùng kỳ năm trước



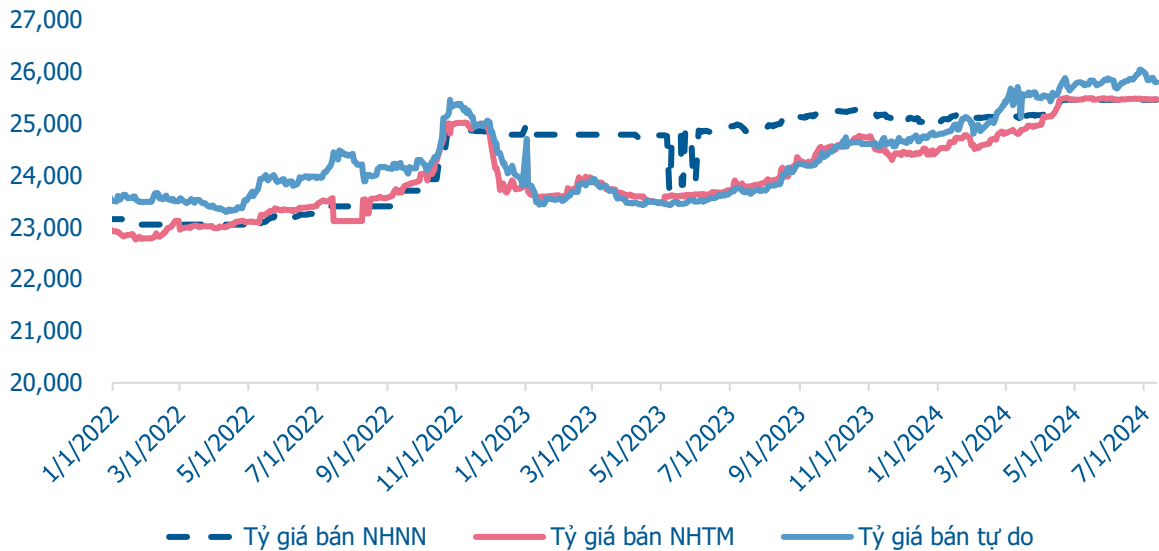
Biểu đồ 9: Tăng trưởng tổng mức hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng



TỶ GIÁ USD/VND BẤT NGỜ BẬT TĂNG TRỞ LẠI, GÂY ÁP LỰC LÊN NỀN KINH TẾ

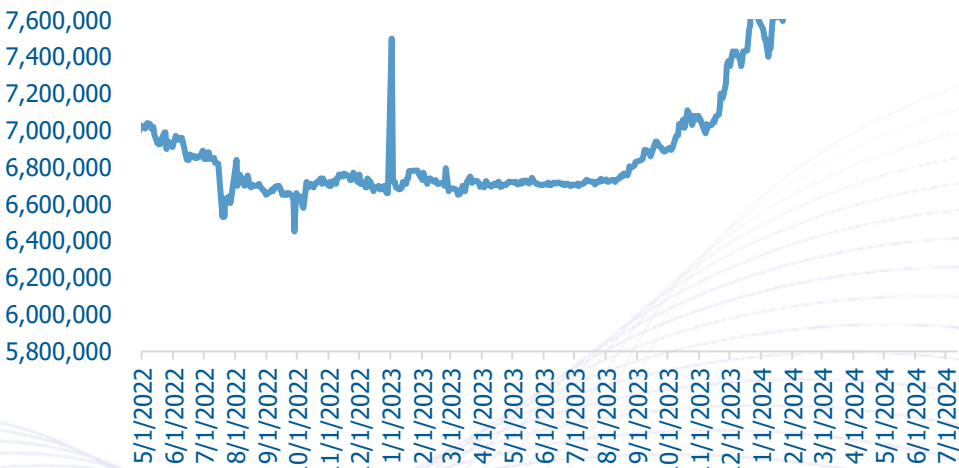
- Đồng đô la Mỹ trên thị trường thế giới bất ngờ bật tăng trở lại và neo ở vùng giá cao trong nhiều tháng vừa qua, trong bối cảnh FED phát đi thông điệp sẽ tiếp tục giữ lãi suất ở mức cao và sớm nhất là tới tháng 09/2024 mới bắt đầu cắt giảm lãi suất. Tính đến ngày 15/07/2024, tỷ giá trung tâm của đồng Việt Nam với USD đang ở mốc 24.245 VNĐ. Hiện tỷ giá USD các ngân hàng thương mại (NHTM) được phép giao dịch trong biên độ từ 25.190 – 25.460 USD/VND. Chúng tôi đánh giá, nguyên nhân tỷ giá bật tăng mạnh trở lại một phần nguyên nhân đến từ việc FED không hạ sớm lãi suất như dự kiến như kế hoạch, ngoài ra nhập khẩu liên tục phục hồi trong thời gian qua khiến cho các doanh nghiệp phải đẩy mạnh nhập khẩu nguyên liệu đầu vào.
- Giá vàng biến động mạnh trong thời gian qua. Tính đến ngày 15/07/2024, bình quân giá vàng thế giới vẫn dao động mức 2.414 USD/ounce, tăng 3,5% so với tháng trước. Ở trong nước, giá vàng SJC cũng đang tiệm cận ở vùng giá 75 -77 triệu đồng, tuy có giảm so với vùng đỉnh nhưng vẫn nằm trong vùng giá cao trong nhiều năm trở lại đây.

Biểu đồ 10: Tỷ giá USD/VND



Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

Biểu đồ 11: Tỷ giá vàng bán ra SJC Hà Nội



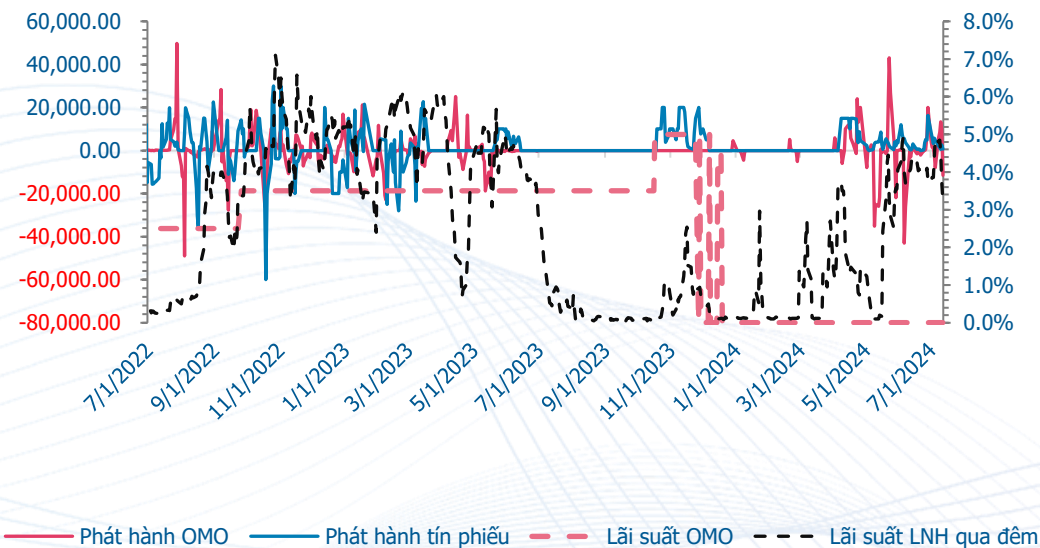
Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

NHNN TIẾP TỤC PHÁT HÀNH TRÊN KÊNH TÍN PHIẾU

- Trong tháng 6/2024, Kho bạc Nhà nước đã tổ chức 18 phiên đấu thầu trái phiếu chính phủ với **tổng giá trị gọi thầu là 43 nghìn tỷ đồng, tỷ lệ trúng thầu là 68,5%.**
- Tổng giá trị Trái phiếu chính phủ (TPCP) phát hành thông qua đấu thầu trong nửa đầu năm 2024 là hơn 156 nghìn tỷ đồng, tương đương 39,1% kế hoạch cả năm, trong đó khối lượng TPCP phát hành Quý 2 là 76,2 tỷ đồng, đạt 63,6% kế hoạch Quý 2.

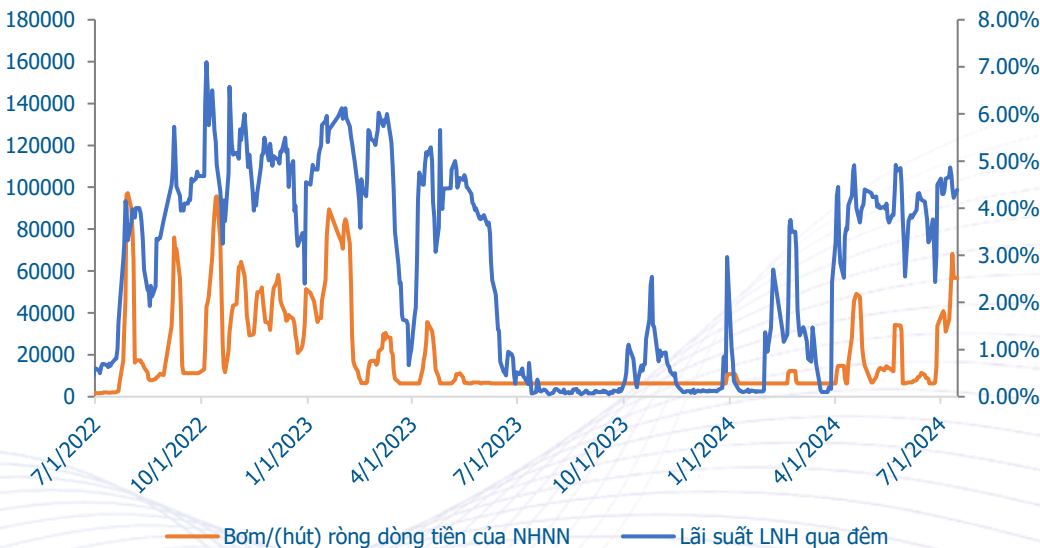
- Lãi suất liên ngân hàng trong tháng 06 tăng ở các kỳ hạn dưới 1 tháng và kỳ hạn 9 tháng, trong khi giảm ở các kỳ hạn còn lại. **Tổng giá trị giao dịch trong tháng đạt hơn 6,2 triệu tỷ đồng, giảm 14,5% so với tháng trước.**
- Nghiệp vụ thị trường mở: trong tháng 06, NHNN tiếp tục phát hành trên kênh tín phiếu tổng cộng **121,8 nghìn tỷ đồng tín phiếu kỳ hạn 14 và 28 ngày nhưng cũng mua GTCG kỳ hạn 7 ngày trên kênh OMO với tổng giá trị 27,5 nghìn tỷ đồng.**

Biểu đồ 12: Khối lượng phát hành OMO và tín phiếu



Nguồn: SBV; CTS tổng hợp và dự báo

Biểu đồ 13: Lãi suất LNH qua đêm và cung tiền từ NHNN

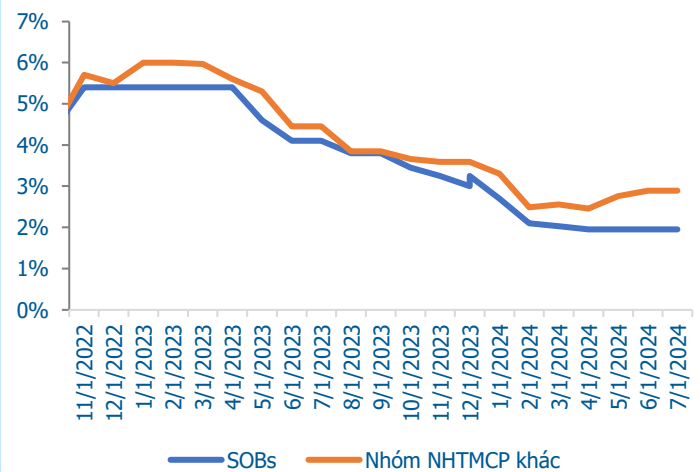


Nguồn: SBV; CTS tổng hợp và dự báo

LÃI SUẤT ĐIỀU HÀNH DUY TRÌ Ở MỨC ỔN ĐỊNH

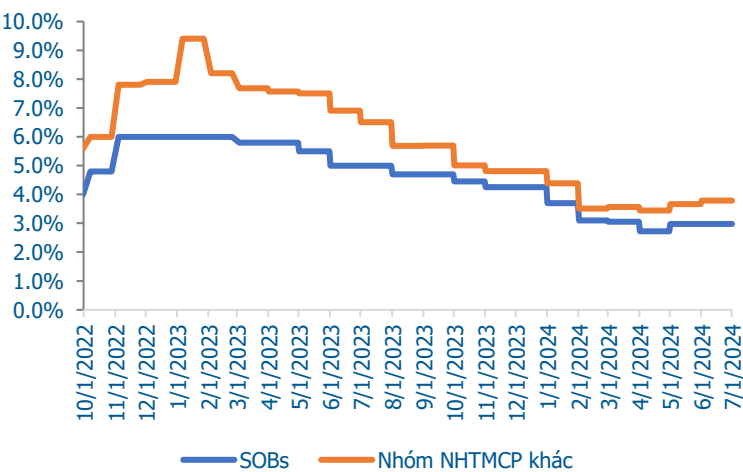
- Hiện tại lãi suất tái cấp vốn vẫn đang duy trì ở mức 4,5%/năm, lãi suất tái chiết khấu duy trì ở mức 3% và lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNN đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là 5%/năm.
- Mặt bằng lãi tiền gửi các kỳ hạn cũng ghi nhận giảm mạnh trong thời gian vừa qua. Cụ thể (1) Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 3 tháng của 4 ngân hàng quốc doanh là 2% - 2,5%, của các NHTM là 2,5%-3%. (2) Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 6-9 tháng của các NHTM là 3,5% - 4%. (3) Lãi suất tiền gửi kỳ hạn từ 12 tháng của các NHTM là khoảng 4,5%-5%.
- Việc các NHTM tiến hành giảm lãi suất huy động kỳ hạn ngắn một phần đến từ nguyên nhân do thanh khoản đang dư thừa và tăng trưởng tín dụng đang ở mức thấp trong thời gian vừa qua.

Biểu đồ 14: Lãi suất tiền gửi VND từ 3 đến <6 tháng



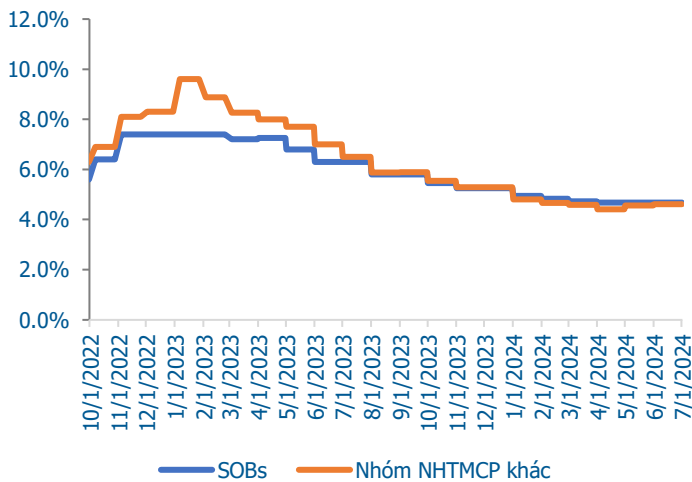
Nguồn: SBV, Bloomberg; CTS tổng hợp và dự báo

Biểu đồ 15: Lãi suất tiền gửi VND từ 6-9 tháng



Nguồn: SBV, Bloomberg; CTS tổng hợp và dự báo

Biểu đồ 16: Lãi suất tiền gửi VND từ 12 tháng

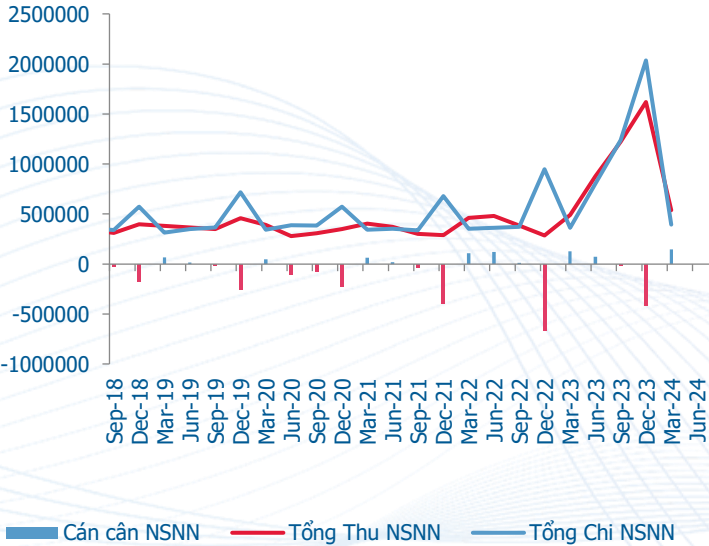


Nguồn: SBV, Bloomberg; CTS tổng hợp và dự báo

NSNN 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2024 BỘI THU 217 NGHÌN TỶ ĐỒNG

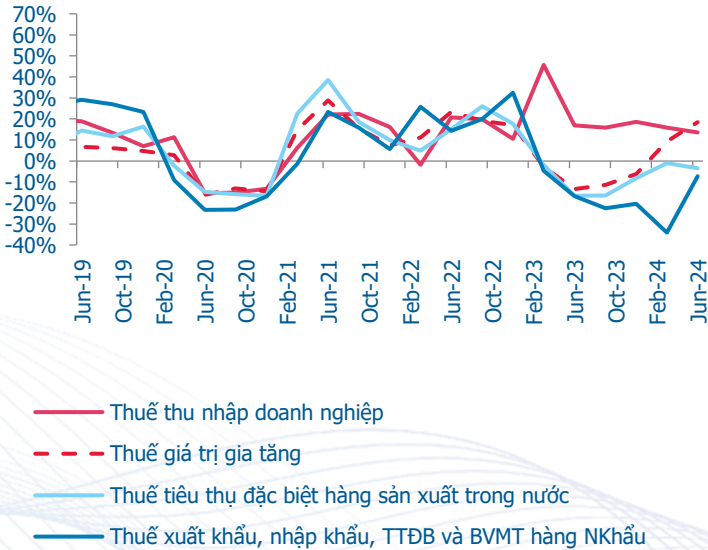
- Tổng thu ngân sách Nhà nước tháng 6/2024 ước đạt 105,1 nghìn tỷ đồng. Lũy kế tổng thu ngân sách Nhà nước 6 tháng đầu năm 2024 ước đạt 1.020,6 nghìn tỷ đồng, bằng 60% dự toán năm và tăng 15,7% so với cùng kỳ năm trước.
- Tổng chi ngân sách Nhà nước tháng 6/2024 ước đạt 151,6 nghìn tỷ đồng. Lũy kế tổng chi ngân sách Nhà nước 6 tháng đầu năm 2024 ước đạt 803,6 nghìn tỷ đồng, bằng 37,9% dự toán năm và giảm 0,1% so với cùng kỳ năm trước.

Biểu đồ 17: Cân đối thu - chi ngân sách nhà nước



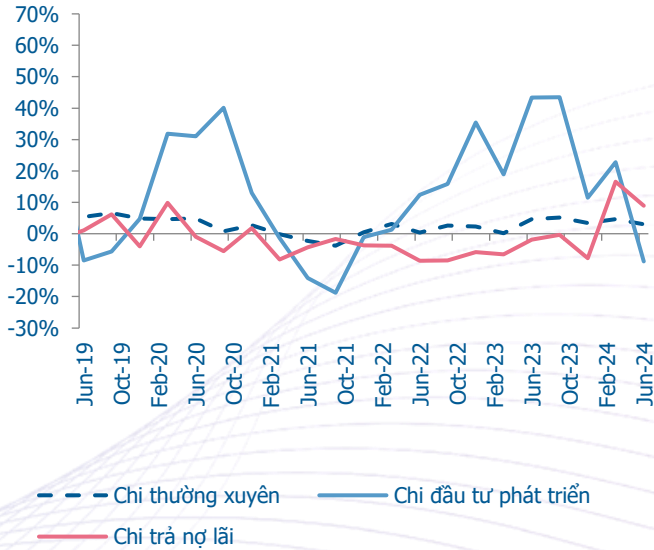
Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

Biểu đồ 18: Tăng trưởng các khoản thu chính



Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

Biểu đồ 19: Tăng trưởng các khoản chi chính

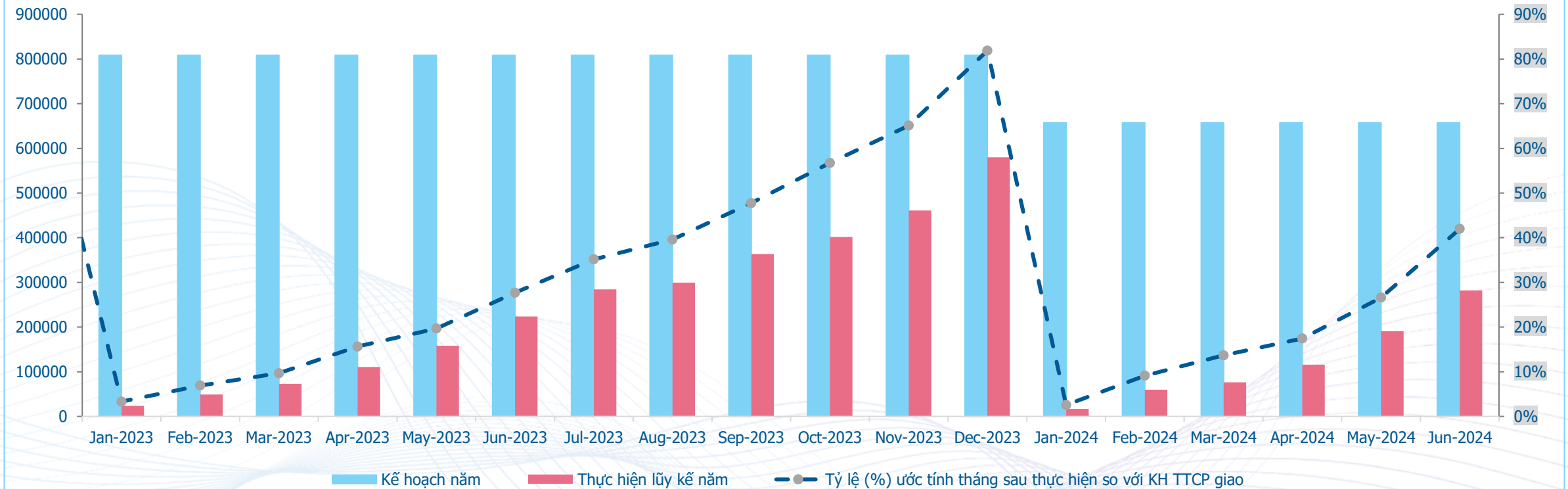


Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

ƯỚC GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG 6 THÁNG ĐẠT 29,4%

- Theo Bộ Tài chính, tỷ lệ ước giải ngân vốn đầu tư công 06 tháng năm 2024 ước đạt 196,7 nghìn tỷ đồng, đạt 29,4% Thủ tướng Chính phủ giao, cùng kỳ năm 2023 đạt 30,49%.
- Cụ thể, vốn trong nước là 194,2 nghìn tỷ đồng (đạt 30% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao), vốn nước ngoài là 2,4 nghìn tỷ đồng (đạt 12% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao).

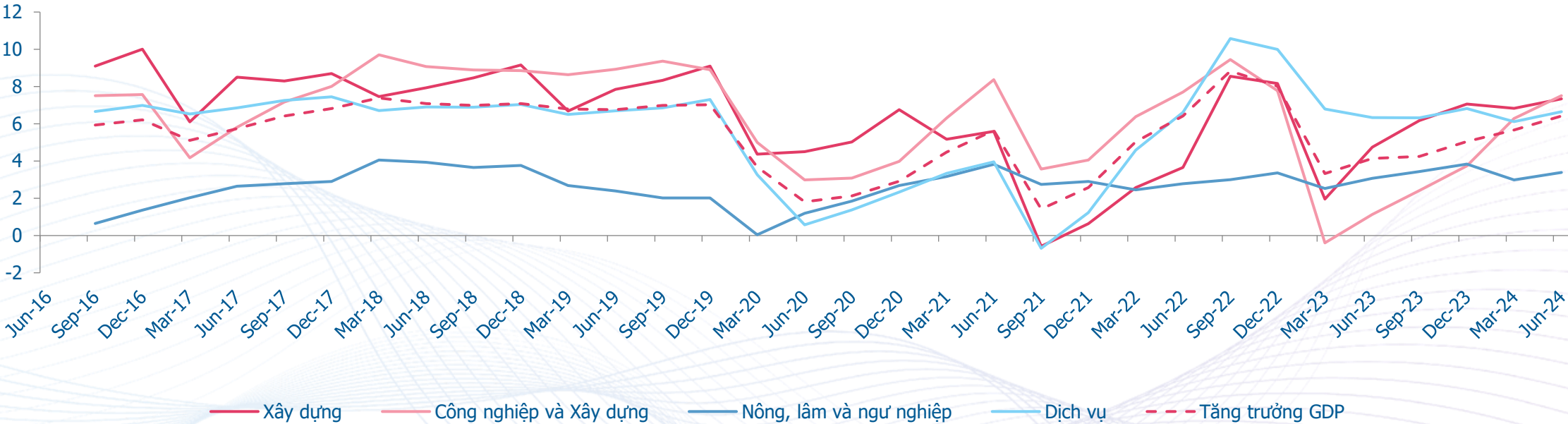
Biểu đồ 20: Tình hình giải ngân vốn đầu tư công, giai đoạn 2022 - 2024



NỀN KINH TẾ ĐANG CÓ NHỮNG BƯỚC CHUYỂN MÌNH TÍCH CỰC

- Tăng trưởng GDP Q2/2024 là 6,93% so với cùng kỳ năm trước, ghi nhận xu hướng tăng trưởng tích cực, cho thấy dấu hiệu khởi sắc của nền kinh tế. Tính chung 6 tháng đầu năm 2024, GDP tăng 6,42%, chỉ thấp hơn tốc độ tăng 6,58% của 6 tháng đầu năm 2022 trong cả giai đoạn 2020-2024.
- Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,38%, đóng góp 5,96%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,51%, đóng góp 44,28%; khu vực dịch vụ tăng 6,64%, đóng góp 49,76%.
- Tuy nhiên, nhiều biến số khó lường từ giờ đến cuối năm chắc chắn sẽ là thách thức cho tốc độ tăng trưởng GDP của nền kinh tế Việt Nam.
- Quốc Hội đã thông qua mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2024 đạt 6,0%-6,5%. Hàng loạt tổ chức quốc tế uy tín, cũng đã dự báo tăng trưởng GDP của nước ta trong khoảng 6,5% như World Bank, IMF.

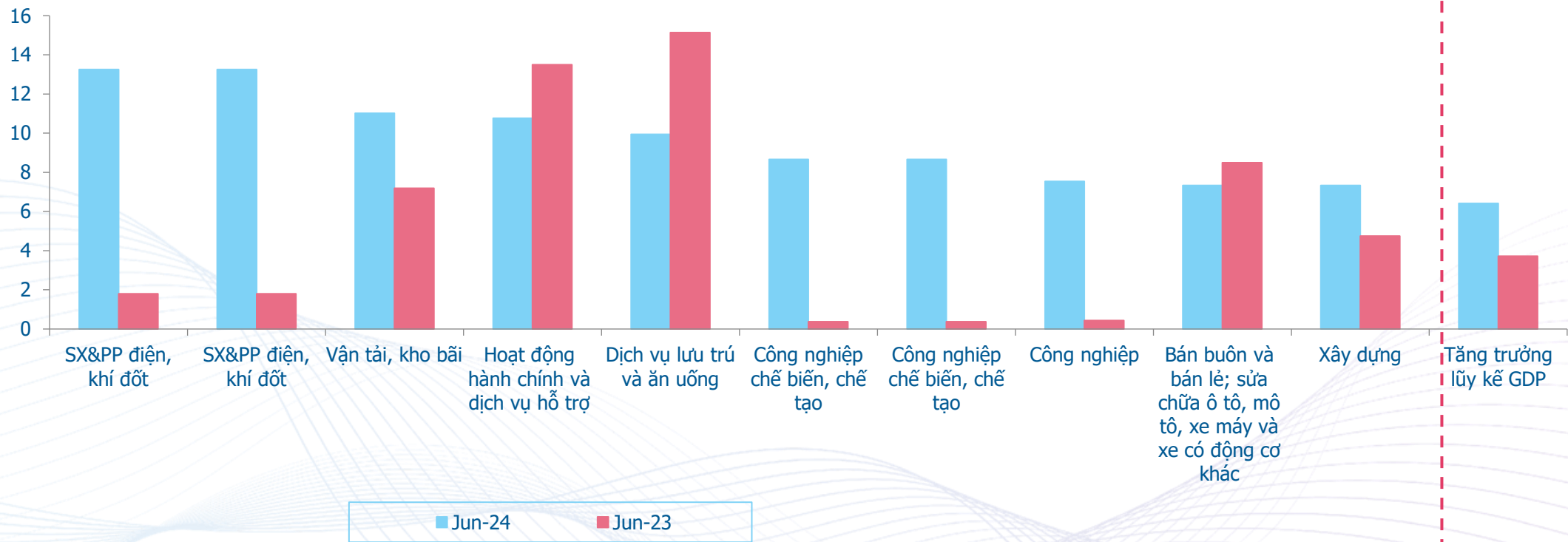
Biểu đồ 21: Tăng trưởng lũy kế GDP và các khu vực kinh tế, giai đoạn 2016 – 2024 (đơn vị: %)



TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG LŨY KẾ CÁC NGÀNH (THEO QUÝ)

- Dịch vụ lưu trú và ăn uống; hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ và nghệ thuật, vui chơi và giải trí đang là những ngành có tốc độ tăng trưởng khả thi nhất kể từ đầu năm 2024.

Biểu đồ 22: Các ngành có tốc độ tăng trưởng lũy kế cao nhất (đơn vị: %)



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

Trụ sở chính

📍 Tòa N02-T2 Khu Ngoại Giao Đoàn, phường Xuân Tảo, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

☎ 024 3974 1771 🏢 024 3974 1760

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

📍 49 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

☎ 024 3974 1771 🏢 028 3820 0899

Chi nhánh Đà Nẵng

📍 36 Trần Quốc Toản, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

☎ 024 3974 1771 🏢 023 6358 4788